

Số: 710/TB-SPS-BNNMT

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 01/9 - 15/9/2026

Văn phòng SPS Việt Nam tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 01/9 - 15/9/2026 của các Thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (sau đây gọi tắt là thông báo), cụ thể:

1. Số lượng thông báo: 33, trong đó gồm:

- 20 thông báo dự thảo lấy ý kiến;
- 13 thông báo có hiệu lực.

2. Một số thông báo cần chú ý:

a) Liên minh châu Âu (EU) đăng 04 thông báo liên quan đến an toàn thực phẩm và phụ gia thức ăn chăn nuôi, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/EU/965 dự thảo sửa đổi quy định vệ sinh về điều kiện bảo quản thịt tươi của động vật móng guốc chăn nuôi trước khi cấp đông, quy định cụ thể thời gian cấp đông tối đa ngay sau khi giết mổ tùy theo nhiệt độ bảo quản;

- Thông báo G/SPS/N/EU/933/Add.1 ban hành Quy định sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với tổng hàm lượng furan, 2-methylfuran và 3-methylfuran trong thực phẩm chế biến từ ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ và thực phẩm dành cho trẻ em;

- Các thông báo còn lại ban hành Quy định gia hạn và cấp phép sử dụng taurine, eugenol và trans-anethole làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật và gia cầm.

b) Trung Quốc đăng 01 thông báo liên quan đến mức dư lượng thuốc thú y:

- Thông báo G/SPS/N/CHN/1388 dự thảo Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia mới quy định mức MRL đối với 142 loại thuốc thú y có trong thực phẩm có nguồn gốc từ động vật (như gia súc, gia cầm, thủy sản, ong).

c) Ca-na-đa đăng 02 thông báo liên quan đến mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/CAN/1648 và G/SPS/N/CAN/1647 dự thảo sửa đổi và quy định mức MRL đối với các hoạt chất Fludioxonil và Cyprodinil trên một số loại nông sản như các loại cải, quả nam việt quất, rễ nhân sâm....

d) Bra-xin đăng 05 thông báo liên quan đến cập nhật chuyên luận hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật và mức giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/BRA/2385/Add.1 ban hành sửa đổi mức giới hạn tối đa cho phép đối với độc tố vi nấm (mycotoxins) như Aflatoxin trong sữa, lạc và ngô;

- Nội dung các thông báo còn lại liên quan đến việc dự thảo và ban hành bổ sung, sửa đổi chuyên luận đối với các hoạt chất như axit abscisic (A60), *Pongamia glabra* (P78), *Pseudomonas fluorescens* (P67) và *syzygium aromaticum* (S26) trong Danh mục chuyên luận hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm khử trùng và chất bảo quản gỗ.

đ) Đài Loan (Trung Quốc) đăng 01 thông báo liên quan đến yêu cầu kiểm dịch thực vật:

- Thông báo G/SPS/N/TPKM/659 dự thảo sửa đổi Quy định về yêu cầu kiểm dịch đối với thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu. Đáng chú ý, Việt Nam được bổ sung vào danh sách khu vực bị nhiễm một số sinh vật gây hại như: *Frankliniella occidentalis*, *Pseudomonas syringae* pv. *syringae* và *Potato spindle tuber viroid*.

e) Hồng Kông (Trung Quốc) đăng 01 thông báo liên quan đến chất tạo ngọt:

- Thông báo G/SPS/N/HKG/51 dự thảo sửa đổi Quy định về chất tạo ngọt trong thực phẩm nhằm cập nhật và nâng tổng số chất tạo ngọt được phép sử dụng từ 10 lên 22 chất (bổ sung các loại rượu đa chức, Advantame, chiết xuất la hán quả...).

g) U-crai-na đăng 03 thông báo liên quan đến an toàn thực phẩm và kiểm soát thực vật nhập khẩu, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/UKR/275 dự thảo sửa đổi Danh mục thực phẩm và thức ăn chăn nuôi không có nguồn gốc động vật thuộc diện tăng cường kiểm soát khi nhập khẩu. Đáng chú ý, đối với Việt Nam, sản phẩm sầu riêng (tươi hoặc ướp lạnh) được đưa vào diện kiểm soát tăng cường để kiểm tra mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật;

- Thông báo G/SPS/N/UKR/214/Rev.2 dự thảo Luật về sản phẩm diệt khuẩn, quy định chi tiết về phê duyệt hoạt chất, đăng ký nhà nước, và phân loại sản phẩm thành 4 nhóm chính;

- Thông báo G/SPS/N/UKR/270/Rev.1 và G/SPS/N/UKR/276 dự thảo quy định các yêu cầu bắt buộc về thành phần, danh mục chất được phép sử dụng, an toàn thực phẩm, cũng như ghi nhãn đối với thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt và thực phẩm thay thế toàn bộ khẩu phần ăn để kiểm soát cân nặng.

h) Cộng hòa Kê-ni-a đăng 02 thông báo liên quan đến tiêu chuẩn chất lượng nông thủy sản, cụ thể:

- Thông báo G/SPS/N/KEN/365/Add.1 và G/SPS/N/KEN/352/Add.1 thông báo việc chính thức thông qua Tiêu chuẩn KS 2744:2026 về quy định kỹ thuật đối

với chè orthodox và Tiêu chuẩn KS 1564:2026 về xử lý, chế biến, bảo quản và phân phối động vật thân mềm có vỏ.

*(Thông tin tóm tắt các thông báo tại phụ lục kèm theo;
nội dung chi tiết của các thông báo gốc được đăng tải trên Cổng thông tin
của Văn phòng SPS Việt Nam: www.spsvietnam.gov.vn)*

Văn phòng SPS Việt Nam trân trọng thông báo và đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị, hiệp hội góp ý bằng tiếng Anh và tiếng Việt (nếu có).

Văn bản góp ý gửi về Văn phòng SPS Việt Nam **trước 03 ngày** so với thời hạn ghi trong thông báo tại phụ lục để tổng hợp gửi Ủy ban SPS/WTO./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để b/c);
- Thứ trưởng Võ Văn Hưng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị (để b/c);
- Các cục: CNTY, TTBVTV, CCPT, TSKN;
- Cục XNK (Bộ Công Thương);
- Cục ATTP (Bộ Y tế);
- Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ KH&CN);
- Sở NN&MT các tỉnh/thành phố;
- Các hiệp hội, ngành hàng;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT (LCT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Xuân Nam

Phụ lục
DANH SÁCH THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM
VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)
TỪ NGÀY 01 – 15/9/2026

(Kèm theo Thông báo số 710 /TB-SPS-BNNMT ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Văn phòng SPS Việt Nam)

1. Danh sách thông báo dự thảo lấy ý kiến góp ý

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/2534	TTBVTV	Bra-xin	15/9/2026	Bra-xin dự thảo sửa đổi quy định về chỉ định sử dụng trong nông nghiệp đối với hoạt chất A60 – axit abscisic.	Bra-xin dự thảo sửa đổi quy định về chỉ định sử dụng trong nông nghiệp đối với hoạt chất A60 – axit abscisic. Theo đó, dự thảo sửa đổi chuyên khảo A60 – axit abscisic trong Danh mục chuyên khảo hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm khử trùng và chất bảo quản gỗ ban hành theo Hướng dẫn quy phạm số 103 ngày 19/10/2021. Axit abscisic thuộc nhóm hóa học sesquiterpene, được phân loại là chất điều hòa sinh trưởng và được phép sử dụng trên tất cả các loại cây trồng. Đây là hoóc-môn thực vật được tổng hợp tự nhiên trong mô thực vật. Do không thể phân biệt bằng phương pháp phân tích thông thường giữa axit abscisic có sẵn trong cây và axit abscisic được sử dụng từ bên ngoài, không yêu cầu nghiên cứu dư lượng trên thực vật, không quy định mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Limit - MRL) và thời gian cách ly. Phân loại độc tính được xác định riêng đối với từng sản phẩm; lượng ăn vào hằng ngày chấp nhận được (Acceptable Daily Intake - ADI) là 13,10 mg/kg thể trọng

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						và liều tham chiếu cấp tính (Acute Reference Dose - ARfD) không áp dụng. Thời hạn góp ý trước ngày 14/11/2026.
2	G/SPS/N/BRA/2533	TTBVT	Bra-xin	15/9/2026	Bra-xin dự thảo bổ sung chuyên luận P78 – Pongamia glabra vào danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật.	Bra-xin dự thảo bổ sung chuyên luận P78 – Pongamia glabra vào danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật. Theo đó, dự thảo bổ sung chuyên luận P78 – Pongamia glabra vào Danh mục chuyên luận hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm khử trùng và chất bảo quản gỗ ban hành theo Hướng dẫn quy phạm số 103 ngày 19/10/2021. Pongamia glabra có tên thông dụng là Karanja hoặc Karanj được phân loại là thuốc trừ sâu sinh học. Dự thảo quy định cụ thể đối với P78.1 – chiết xuất Pongamia glabra, được sản xuất từ hạt dưới dạng dầu thực vật thu được bằng phương pháp ép lạnh, sử dụng Karanjin (CAS 521-88-0) làm chất chỉ thị tự nhiên từ thực vật. Chiết xuất Pongamia glabra được phép sử dụng trên các loại cây trồng có xuất hiện sinh vật mục tiêu được Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Bra-xin phê duyệt và có thể được áp dụng bằng phương pháp phun qua thiết bị mặt đất hoặc đường không. Dự thảo không quy định mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Limit - MRL) và thời gian cách ly; nghiên cứu dư lượng được miễn theo hướng dẫn hiện hành đối với sản phẩm có nguồn gốc thực vật có lịch sử sử dụng an toàn. Thời gian được phép quay lại khu vực xử lý là 24 giờ hoặc đến khi dung dịch phun khô hoàn toàn.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Sản phẩm thương mại sẽ được đánh giá độc tính riêng biệt, tuy nhiên dự kiến áp dụng mức không phân loại đối với cảnh báo nguy hiểm cấp tính. Người thao tác bắt buộc phải sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân cơ bản để giảm thiểu rủi ro tiếp xúc. Thời hạn góp ý trước ngày 14/11/2026.
3	G/SPS/N/BRA/2526	TTBVTV	Bra-xin	14/9/2026	Bra-xin dự thảo đề xuất sửa đổi chuyên luận P67 – <i>Pseudomonas fluorescens</i> nằm trong danh mục các chuyên luận hoạt chất cho thuốc bảo vệ thực vật, thuốc khử trùng vệ sinh và thuốc bảo quản gỗ	Bra-xin dự thảo đề xuất sửa đổi chuyên luận P67 – <i>Pseudomonas fluorescens</i> nằm trong danh mục các chuyên luận hoạt chất cho thuốc bảo vệ thực vật, thuốc khử trùng vệ sinh và thuốc bảo quản gỗ (được ban hành theo hướng dẫn định chuẩn IN số 103 ngày 19/10/2021). Theo đó, quy định mới tập trung cập nhật các thông tin về đặc tính độc tính liên quan đến những câu cảnh báo an toàn, đồng thời bổ sung tiểu mục P67.1 - dịch chiết chuyển hóa và tế bào phân giải của <i>Pseudomonas Fluorescens</i> vào chuyên luận P67. Việc điều chỉnh này xuất phát từ nhu cầu đánh giá hoặc đánh giá lại định kỳ về mặt độc tính đối với các hoạt chất, làm cơ sở cho việc bổ sung, loại bỏ hoặc cập nhật phụ lục của IN Số 103/2021. Thời hạn góp ý trước ngày 13/11/2026.
4	G/SPS/N/UKR/214/Rev.2	BYT, CNTY, TTBVTV	U-crai-na	14/9/2026	U-crai-na dự thảo Luật về sản phẩm diệt khuẩn.	U-crai-na dự thảo Luật về sản phẩm diệt khuẩn. Cụ thể, dự thảo quy định về việc phê duyệt các hoạt chất sử dụng trong sản phẩm diệt khuẩn; đăng ký nhà nước, sản xuất, cung cấp và đưa sản phẩm ra thị trường; sử dụng an toàn sản phẩm diệt khuẩn và các vật phẩm đã qua xử lý. Đồng thời, dự thảo quy định quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong quản lý sản phẩm diệt khuẩn.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Dự thảo quy định cơ quan nhà nước được ủy quyền thực hiện đánh giá hồ sơ phê duyệt, gia hạn hoặc xem xét lại việc phê duyệt hoạt chất; yêu cầu đối với các phòng thử nghiệm hoạt chất, bao gồm yêu cầu về công nhận; đồng thời quy định xây dựng cơ sở đăng ký nhà nước về sản phẩm diệt khuẩn, dự kiến hoạt động từ ngày 01/01/2030, trên cơ sở hiện đại hóa Cơ sở đăng ký nhà nước hiện hành về chất khử trùng. Các đăng ký chất khử trùng còn hiệu lực tại thời điểm Luật có hiệu lực được tiếp tục duy trì đến khi hết thời hạn đăng ký. Theo Phụ lục của dự thảo, sản phẩm diệt khuẩn được phân thành 4 nhóm với 22 loại, gồm: chất khử trùng; chất bảo quản; sản phẩm kiểm soát sinh vật gây hại; và các sản phẩm diệt khuẩn khác. Trong đó có các sản phẩm dùng trong vệ sinh thú y, khử trùng khu vực tiếp xúc với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, khử trùng nước uống, thuốc diệt loài gặm nhấm, côn trùng và các sản phẩm kiểm soát sinh vật gây hại khác. Dự kiến Luật có hiệu lực vào ngày tiếp theo ngày công bố và được áp dụng từ ngày 01/01/2030. Thời hạn góp ý là 30 ngày kể từ ngày lưu hành thông báo.
5	G/SPS/N/TUR/162	BCT	Thổ Nhĩ Kỳ	14/9/2026	Thổ Nhĩ Kỳ dự thảo Quy định về bia.	Thổ Nhĩ Kỳ dự thảo Quy định về bia. Dự thảo quy định các yêu cầu đối với việc sản xuất, bảo quản, vận chuyển, lưu giữ và đưa bia ra thị trường (áp dụng đối với bia và bia có hương vị, không áp dụng đối với đồ uống malt). Theo đó, các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh phải đáp ứng yêu cầu về hàm lượng còn theo thể tích, độ pH, màu sắc, hàm lượng carbon dioxide và nguyên liệu sử dụng; trong đó malt dùng làm nguyên liệu phải chiếm

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						ít nhất 60% và không được bổ sung đường với mục đích tạo vị ngọt. Dự thảo cũng quy định yêu cầu về phụ gia, chất tạo hương, chất gây ô nhiễm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, vệ sinh, bao bì, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản, lấy mẫu và phương pháp phân tích. Đồng thời, dự thảo bãi bỏ Quy định về bia của Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ số 2006/33. Các cơ sở kinh doanh thực phẩm đã hoạt động trước khi quy định mới được ban hành phải hoàn tất việc tuân thủ trước ngày 01/9/2027; các sản phẩm đã được đưa ra thị trường trước thời điểm ban hành được phép tiếp tục lưu hành trong suốt thời hạn sử dụng. Dự thảo có hiệu lực kể từ ngày công bố. Hạn cuối góp ý ngày 13/10/2026.
6	G/SPS/N/UKR/270/Rev.1	ATTP, BCT	U-crai-na	09/9/2026	U-crai-na dự thảo về việc phê duyệt các yêu cầu đối với thành phần của thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt.	U-crai-na dự thảo về việc phê duyệt các yêu cầu đối với thành phần của thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt. Dự thảo quy định các yêu cầu bắt buộc về thành phần đối với nhóm thực phẩm này, gồm 3 loại chính: - Thực phẩm hoàn chỉnh về dinh dưỡng với công thức tiêu chuẩn, có thể dùng làm nguồn dinh dưỡng duy nhất; - Thực phẩm hoàn chỉnh về dinh dưỡng với công thức được điều chỉnh phù hợp với bệnh, rối loạn hoặc tình trạng y tế, cũng có thể dùng làm nguồn dinh dưỡng duy nhất; - Thực phẩm không hoàn chỉnh về dinh dưỡng, có công thức tiêu chuẩn hoặc được điều chỉnh, không phù

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						hợp để dùng làm nguồn dinh dưỡng duy nhất. Đồng thời, dự thảo quy định danh mục các chất được phép sử dụng trong sản xuất, gồm vitamin, khoáng chất, axit amin, carnitine, taurine, nucleotide, choline và inositol; kèm theo các giới hạn mức tối thiểu và tối đa đối với vitamin và khoáng chất cho sản phẩm dành cho trẻ sơ sinh và sản phẩm không dành cho trẻ sơ sinh. Đối với thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) của mỗi hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật không vượt quá 0,01 mg/kg (trừ một số hoạt chất được áp dụng mức giới hạn riêng). Sản phẩm cũng chỉ được sản xuất từ nguyên liệu mà trong khâu sản xuất ban đầu không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chứa các hoạt chất thuộc danh mục cấm. Việc không sử dụng các hoạt chất này được xác định khi dư lượng không phát hiện ở mức 0,003 mg/kg hoặc thấp hơn. Ngoài ra, dự thảo đã siết chặt các quy định về thông tin, nhãn mác và nội dung quảng cáo sản phẩm nhằm đảm bảo tính chính xác, hướng dẫn người dân sử dụng đúng cách và tuyệt đối không lập lờ để người tiêu dùng hiểu nhầm sản phẩm là thuốc chữa bệnh. Bên cạnh đó, dự thảo nghiêm cấm việc tự ý công bố lợi ích sức khỏe hay dinh dưỡng đối với nhóm thực phẩm y tế đặc biệt. Riêng các sản phẩm dành cho trẻ sơ sinh, văn bản này cũng cấm hoàn toàn việc sử dụng hình ảnh trẻ nhỏ, tránh làm giảm vai trò của sữa mẹ và tuân thủ các chuẩn mực nuôi dưỡng trẻ nhỏ. Thời hạn góp ý trước ngày 30/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
7	G/SPS/N/UKR/276	ATTP, BCT	U-crai-na	09/9/2026	U-crai-na dự thảo về việc phê duyệt các yêu cầu đối với thành phần của thực phẩm thay thế toàn bộ khẩu phần ăn để kiểm soát cân nặng.	U-crai-na dự thảo quyết định về việc phê duyệt các yêu cầu đối với thành phần của thực phẩm thay thế toàn bộ khẩu phần ăn để kiểm soát cân nặng. Dự thảo quy định các yêu cầu bắt buộc về thành phần và an toàn thực phẩm đối với nhóm sản phẩm này, bao gồm việc quy định danh mục các chất được phép sử dụng trong sản xuất như vitamin, khoáng chất, axit amin, nucleotide, carnitine, taurine và choline và inositol. Bên cạnh đó, văn bản cũng thiết lập các mức quy định tối thiểu và tối đa đối với các chất dinh dưỡng thiết yếu trong sản phẩm (bao gồm giá trị năng lượng, hàm lượng cacbohydrat, magie, v.v.). Theo quy định, tên sản phẩm khi lưu thông trên thị trường bắt buộc phải đi kèm cụm từ “Thay thế hoàn toàn chế độ ăn hàng ngày để kiểm soát cân nặng”. Nhãn sản phẩm phải cung cấp đầy đủ thông tin hướng dẫn cùng các cảnh báo bắt buộc: sản phẩm chỉ dành cho người trưởng thành (trên 18 tuổi) bị thừa cân hoặc béo phì có nhu cầu giảm cân; không dùng cho phụ nữ mang thai, cho con bú, thanh thiếu niên hoặc người có bệnh lý nếu không có tư vấn của bác sĩ; không sử dụng quá 8 tuần liên tục (hoặc lặp lại trong khoảng thời gian ngắn) mà không có chỉ định y tế; nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì đủ lượng nước uống hàng ngày; hướng dẫn pha chế và sử dụng và cảnh báo về tác dụng nhuận tràng nếu tiêu thụ lượng polyol vượt quá 20 gam/ngày. Ngoài ra, dự thảo đã siết chặt các quy định về thông tin, ghi nhãn và nội dung quảng cáo nhằm đảm bảo tính chính xác và tuyệt đối không gây hiểu nhầm cho người

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						tiêu dùng. Nhãn mác và quảng cáo không được gán cho sản phẩm tính chất phòng ngừa, điều trị hoặc chữa khỏi bệnh tật. Trường hợp sản phẩm không được bổ sung chất xơ, nhãn sản phẩm phải lưu ý người tiêu dùng tham khảo ý kiến bác sĩ về việc bổ sung thêm chất xơ. Đặc biệt, văn bản nghiêm cấm đưa ra bất kỳ công bố nào liên quan đến tốc độ hoặc mức độ giảm cân đối với nhóm thực phẩm này. Thời hạn góp ý trước ngày 30/9/2026.
8	G/SPS/N/ARE/323 ¹	CNTY	Các Tiêu vương quốc Ả rập Thống nhất	08/9/2026	Các Tiêu vương quốc Ả rập Thống nhất dự thảo Tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến các loại vi khuẩn, nấm men, hoặc nấm mốc được cấp phép sử dụng như probiotics trong sản xuất thức ăn chăn nuôi.	Các Tiêu vương quốc Ả Rập Thống nhất dự thảo Tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến các loại vi khuẩn, nấm men, hoặc nấm mốc được cấp phép sử dụng như probiotics trong sản xuất thức ăn chăn nuôi. Tiêu chuẩn trên bảo vệ sức khỏe động vật, thông qua việc quy định chặt chẽ các điều kiện sản xuất, kiểm soát an toàn và tính hiệu quả của các sản phẩm probiotics. Theo dự thảo, Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh (GSO) đề xuất sửa đổi và thiết lập các yêu cầu cụ thể như sau: - Probiotics được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi phải được kiểm chứng về an toàn, chất lượng, và tính hiệu quả trước khi lưu hành. Chúng không được gây hại cho sức khỏe động vật, người sử dụng/người hành nghề (như công nhân trong nhà máy sản xuất thức ăn, kho bãi hoặc người chăn nuôi tại trang trại), hoặc sức khỏe cộng đồng. Các vi sinh vật này phải được bảo đảm khả năng tồn tại, hoạt động ổn định trong đường tiêu hóa của động

¹ G/SPS/N/ARE/323, G/SPS/N/BHR/275, G/SPS/N/KWT/205, G/SPS/N/OMN/171, G/SPS/N/QAT/174, G/SPS/N/SAU/623, G/SPS/N/YEM/115

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						vật mục tiêu, cũng như chịu được quá trình xử lý, bảo quản. Hơn nữa, không được mang các gen kháng kháng sinh có khả năng truyền sang các vi sinh vật gây bệnh hoặc liên quan đến điều trị y tế ở người không sinh độc tố, không chứa sinh vật biến đổi gen, và không phản ứng tiêu cực với các thành phần thức ăn chăn nuôi khác (ví dụ: kim loại nặng, axit hữu cơ hoặc thuốc chống cầu trùng). - Dự thảo quy định danh sách các chủng vi sinh vật được phép sử dụng (không được sinh độc tố), bao gồm 45 loại vi khuẩn: <i>Aspergillus niger</i>, <i>Aspergillus oryzae</i>, <i>Bacillus amyloliquefaciens</i>, <i>Bacillus coagulans</i>, <i>Bacillus lentus</i>, <i>Bacillus licheniformis</i>, <i>Bacillus pumilus</i>, <i>Bacillus subtilis</i>, <i>Bacteroides amylophilus</i>, <i>Bacteroides capillosus</i>, <i>Bacteroides ruminicola</i>, <i>Bacteroides suis</i>, <i>Bifidobacterium adolescentis</i>, <i>Bifidobacterium animalis</i>, <i>Bifidobacterium bifidum</i>, <i>Bifidobacterium infantis</i>, <i>Bifidobacterium longum</i>, <i>Bifidobacterium thermophilum</i>, <i>Enterococcus faecium</i>, <i>Lactobacillus acidophilus</i>, <i>Lactobacillus buchneri</i> (chỉ dùng cho trâu bò), <i>Lactobacillus casei</i>, <i>Lactobacillus curvatus</i>, <i>Lactobacillus delbrueckii</i>, <i>Lactobacillus fermentum</i>, <i>Lactobacillus helveticus</i>, <i>Lactobacillus plantarum</i>, <i>Lactobacillus reuteri</i>, <i>Lactococcus cremoris</i>, <i>Lactococcus lactis</i>, <i>Leuconostoc mesenteroides</i>, <i>Levilactobacillus brevis</i>, <i>Ligilactobacillus animalis</i>, <i>Megasphaera elsdenii</i> (chỉ dùng cho trâu bò), <i>Pediococcus acidilactici</i>, <i>Pediococcus damnosus</i>, <i>Pediococcus pentosaceus</i>, <i>Propionibacterium acidipropionici</i> (chỉ dùng cho trâu bò),

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<i>Propionibacterium freudenreichii</i>, <i>Rhodopseudomonas palustris</i> (chỉ dùng cho gà thịt), <i>Saccharomyces cerevisiae</i>, <i>Streptococcus intermedius</i>, <i>Streptococcus thermophilus</i>, <i>Weissella confusa</i>, và <i>Yeast</i> (nấm men). Bên cạnh đó, quy định cũng yêu cầu hàm lượng vi sinh vật sống phải được biểu thị bằng số đơn vị hình thành khuẩn lạc (CFU) trên mỗi gram (CFU/g). Các thông tin về giới hạn an toàn như kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, và mức độ độc tố nấm mốc phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn GSO hiện hành (ví dụ: GSO 2814, GSO 382). Yêu cầu bao bì phải được làm từ chất liệu an toàn, kín khí, và có khả năng chống ẩm. Trên bao bì phải có đầy đủ các thông tin: chủng vi sinh (bao gồm cả giống, loài và dòng của vi sinh vật đó), mức sống sót tối thiểu của vi sinh (tính tại ngày hết hạn), ngày hết hạn, liều lượng sử dụng, điều kiện bảo quản, và thông tin liên hệ của nhà sản xuất. Thời hạn góp ý trước ngày 07/11/2026.
9	G/SPS/N/UKR/275	TTBVT	U-crai-na	08/9/2026	U-crai-na dự thảo sửa đổi Danh mục thực phẩm và thức ăn chăn nuôi không có nguồn gốc động vật thuộc diện tăng cường kiểm soát khi nhập khẩu.	U-crai-na dự thảo sửa đổi Danh mục thực phẩm và thức ăn chăn nuôi không có nguồn gốc động vật thuộc diện tăng cường kiểm soát khi nhập khẩu. U-crai-na dự thảo sửa đổi Danh mục thực phẩm và thức ăn chăn nuôi không có nguồn gốc động vật thuộc diện tăng cường kiểm soát khi nhập khẩu. (Danh mục hiện hành được ban hành theo Quyết định số 158 ngày 26/3/2018 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm U-crai-na, đã được sửa đổi bằng Quyết định số 3898 ngày 10/3/2026). Dự thảo đề xuất điều chỉnh các quốc gia xuất xứ và phạm vi thực phẩm, thức ăn chăn nuôi thuộc diện tăng cường kiểm soát khi nhập khẩu. Cụ thể, Danh mục cập nhật bao gồm hàng hóa từ 27 quốc gia (trong đó có

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Việt Nam). Dự thảo được tham khảo dựa trên Quy định (EU 2019/1793 của Liên minh châu Âu về việc tăng cường tạm thời mức kiểm soát và các biện pháp khẩn cấp đối với một số hàng hóa nhập khẩu từ các nước thứ ba. Đối với Việt Nam, sản phẩm được đưa vào diện kiểm soát tăng cường là sấu riêng (<i>Durio zibethinus</i>) tươi hoặc ướp lạnh, với yếu tố nguy hại cần kiểm tra là các mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Thời hạn góp ý là 30 ngày kể từ ngày lưu hành thông báo.
10	G/SPS/N/UGA/416/Rev.1	ATTP	Cộng hòa U-gan-đa	08/9/2026	U-gan-đa dự thảo tiêu chuẩn DUS 2245: 2026 về các yêu cầu an toàn thực phẩm năm 2026.	U-gan-đa dự thảo tiêu chuẩn DUS 2245: 2026 về các yêu cầu an toàn thực phẩm năm 2026. Theo đó, dự thảo quy định các yêu cầu an toàn chung đối với thực phẩm phục vụ tiêu dùng trực tiếp hoặc làm nguyên liệu chế biến, đóng vai trò là tiêu chuẩn căn cứ đối với những sản phẩm chưa có quy định riêng. Để một sản phẩm thực phẩm được xác nhận đạt chuẩn an toàn, dự thảo đề ra các căn cứ kỹ thuật cốt lõi bao gồm: - Giới hạn vi sinh vật: Thiết lập mức giới hạn tối đa cho phép đối với các vi sinh vật lây truyền qua thực phẩm, cùng các yếu tố rủi ro an toàn thực phẩm khác có nguy cơ đe dọa sức khỏe con người. - Quản lý và xử lý: Thực phẩm và nguyên liệu thực phẩm phải được quản lý và xử lý nghiêm ngặt, bảo đảm sản phẩm khi phân phối và chào bán ra thị trường đều đạt độ an toàn cho người tiêu dùng, tuyệt đối không bị pha trộn gian lận.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						- Chỉ tiêu cảm quan và tạp chất: Thực phẩm phải đáp ứng điều kiện tiêu dùng và duy trì các đặc tính vốn có của sản phẩm; không có màu sắc hoặc mùi vị bất thường; không bị nhiễm côn trùng, mảnh xác côn trùng, chất thải động vật và các tạp chất ngoại lai khác. - Bảo đảm an toàn trong thời hạn sử dụng: Các tiêu chí an toàn thực phẩm phải được bảo đảm xuyên suốt thời hạn sử dụng của sản phẩm trong điều kiện phân phối, bảo quản và tiêu dùng. - Kiểm soát phụ gia và hóa chất tồn dư: Thực phẩm phải tuân thủ các quy định và giới hạn an toàn đối với phụ gia thực phẩm (food additives), các chất gây ô nhiễm và độc tố (contaminants and toxins), dư lượng thuốc trừ sâu (pesticide residues), và dư lượng thuốc thú y (veterinary drugs). - Bao gói và ghi nhãn: Sản phẩm phải được đóng gói bằng vật liệu an toàn (food grade), giúp bảo vệ được chất lượng, dinh dưỡng và đặc tính cảm quan của thực phẩm; đồng thời phải tuân thủ các quy định về ghi nhãn (kể cả nhãn dinh dưỡng) để hỗ trợ quá trình truy xuất nguồn gốc và thu hồi khi cần. Thời hạn góp ý trước ngày 07/11/2026.
11	G/SPS/N/CHN/138 8	CNTY	Trung Quốc	08/9/2026	Trung Quốc dự thảo Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia mới về việc quy định mức giới hạn tối đa dư lượng đối với 142 loại thuốc thú y có trong thực phẩm có nguồn gốc từ động vật.	Trung Quốc dự thảo Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia mới về việc quy định mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Limit – MRL) đối với 142 loại thuốc thú y có trong thực phẩm có nguồn gốc từ động vật. Theo đó, dự thảo đề xuất MRL đối với thuốc thú y có trong các thực phẩm có nguồn gốc từ động vật như nội tạng, bộ phận cơ thể hoặc các sản phẩm thu hoạch

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						được từ các loài gia súc (bò, cừu, lợn, ngựa, lừa, dê), gia cầm (gà, gà tây), động vật thủy sản (cá, tôm, cua) và ong. Ngoài ra, dự thảo cũng đề xuất danh mục cấm bao gồm 9 chất: Chlorpromazine, Diazepam, Dimetridazole, Estradiol benzoate, Metronidazole, Nandrolone phenylpropionate, Testosterone propionate, Xylazine và Xylazol. Dự thảo đã có tham chiếu đến tiêu chuẩn của Ủy ban Codex (CXM 2) nhưng không hoàn toàn tuân theo do sự khác biệt về điều kiện môi trường, các loại vi khuẩn gây bệnh và quy trình Thực hành tốt trong sử dụng thuốc thú y (Good Practice in the Use of Veterinary Drugs - GPVD) tại địa phương. Thời hạn góp ý trước ngày 07/11/2026.
12	G/SPS/N/CHL/776/Rev.1/Add.2	CNTY	Chi-lê	04/9/2026	Chi-lê dự thảo sửa đổi Nghị quyết số 6.942/2024 về việc cập nhật các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu nội tạng, phụ phẩm và phế phẩm của gia súc, cừu, dê, lợn, gia cầm và ngựa.	Chi-lê dự thảo sửa đổi Nghị quyết số 6.942/2024 về việc cập nhật các yêu cầu vệ sinh đối với việc nhập khẩu nội tạng, phụ phẩm và phế phẩm của gia súc, cừu, dê, lợn, gia cầm và ngựa. Theo đó, toàn bộ văn bản nghị quyết sẽ được chuẩn hóa thay thế thuật ngữ “nội tạng” thành “nội tạng, phụ phẩm và phế phẩm” để phản ánh chính xác phạm vi quản lý. Danh mục hàng hóa chịu sự kiểm soát cũng được bổ sung thêm chân, đầu lợn, tai, lá lách, amidan và tuyến thượng thận. Về công tác phòng chống dịch bệnh, dự thảo tăng cường các yêu cầu liên quan đến kiểm soát bệnh giả dại (Aujeszky) ở lợn, phù hợp với các khuyến nghị của Bộ luật Sức khỏe động vật trên cạn của Tổ chức Thú y Thế giới (OMSA), đồng thời quy định các điều kiện khác nhau đối với một số sản phẩm như dương vật, tử cung,

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						chân và bàn chân, căn cứ vào đặc tính và mức độ rủi ro về dịch bệnh. Đối với bệnh Scrapie, một bệnh thoái hóa gây tử vong ảnh hưởng đến hệ thần kinh của cừu và dê, được phân loại là bệnh não xốp truyền nhiễm, có triệu chứng đặc trưng là con vật cọ xát thân mình vào cọc, hàng rào vì ngứa ngáy dữ dội, dự thảo yêu cầu làm rõ và thu hẹp phạm vi các yêu cầu về vệ sinh liên quan đến bệnh này theo từng loại hàng hóa nhập khẩu; theo đó, yêu cầu về nguồn gốc từ quốc gia hoặc khu vực đáp ứng các khuyến nghị của OMSA về việc được công nhận không mắc bệnh Scrapie chỉ áp dụng đối với các mặt hàng gồm amidan, tuyến ức, lá lách, ruột, tuyến thượng thận, tuyến tụy và gan. Dự thảo dự kiến sẽ chính thức có hiệu lực vào tháng 12 năm 2026. Thời hạn góp ý trước ngày 03/11/2026.
13	G/SPS/N/IND/358	ATTP	Ấn Độ	04/9/2026	Ấn Độ dự thảo Quy định sửa đổi về an toàn thực phẩm và chế độ ăn cân bằng cho trẻ em trong trường học năm 2026.	Ấn Độ dự thảo Quy định sửa đổi về an toàn thực phẩm và chế độ ăn cân bằng cho trẻ em trong trường học năm 2026. Theo đó, dự thảo bổ sung Điều 7 về việc xác định rõ các sản phẩm thực phẩm có "hàm lượng chất béo, đường hoặc natri bổ sung cao" dựa trên Hướng dẫn Chế độ ăn uống cho người Ấn Độ năm 2024 của Hội đồng Nghiên cứu Y khoa Ấn Độ (Indian Council of Medical Research - ICMR). Cụ thể, sản phẩm bị coi là có hàm lượng cao khi vượt quá các ngưỡng sau: - Hàm lượng chất béo cao: Chứa trên 4,2g chất béo bổ sung/100g đối với dạng rắn, hoặc trên 1,5g/100ml đối với dạng lỏng.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						- Hàm lượng đường cao: Chứa trên 3g đường bổ sung/100g đối với dạng rắn, hoặc trên 2g/100ml đối với dạng lỏng. - Hàm lượng muối cao: Chứa trên 0,625g muối/100g đối với dạng rắn, hoặc trên 0,175g/100ml đối với dạng lỏng. Thời hạn góp ý trước ngày 03/11/2026.
14	G/SPS/N/HKG/51	ATTP	Hồng Kông (Trung Quốc)	04/9/2026	Hồng Kông (Trung Quốc) dự thảo sửa đổi Quy định về chất tạo ngọt trong thực phẩm.	Hồng Kông (Trung Quốc) dự thảo sửa đổi Quy định về chất tạo ngọt trong thực phẩm. Dự thảo nhằm cập nhật và tăng cường quản lý việc sử dụng chất tạo ngọt trong thực phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế. Các sửa đổi được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các tiêu chuẩn mới nhất của Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm Codex (Codex Alimentarius Commission), đồng thời tham khảo các tiêu chuẩn của một số đối tác thương mại lớn của Hồng Kông (Trung Quốc). Cụ thể, dự thảo sẽ nâng tổng số chất tạo ngọt được phép sử dụng từ 10 lên 22 chất. 12 chất mới bao gồm: 10 loại rượu đa chức (polyhydric alcohols), chất tạo ngọt Advantame và chiết xuất la hán quả (monk fruit extract). Ngoài ra, 12 chất trong danh sách sẽ được phân loại để sử dụng theo nguyên tắc Thực hành sản xuất tốt (Good Manufacturing Practice - GMP). Dự thảo cũng đề xuất cho phép một loại thực phẩm có chứa chất tạo ngọt nếu chất này tồn tại do được chuyển tiếp từ các nguyên liệu hợp lệ tạo ra thực phẩm đó. Tuy nhiên, nguyên tắc này không được áp dụng cho nhóm thức ăn dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ (ngoại trừ mannitol được dùng làm chất mang dưỡng chất).

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Ngoài ra, ngoại trừ các chất tạo ngọt có sẵn trong tự nhiên, dự thảo đề xuất miễn trừ áp dụng quy định đối với các thực phẩm có chứa thành phần tạo ngọt xuất hiện một cách tự nhiên (ví dụ: chất sorbitol có sẵn tự nhiên trong quả đào tươi, hoặc mannitol trong nấm). Hương liệu và các phụ gia khác dùng làm nguyên liệu chế biến có thể chứa chất tạo ngọt, nhưng tổng lượng chất tạo ngọt trong thực phẩm thành phẩm cuối cùng vẫn không được vượt quá mức giới hạn tối đa cho phép (Maximum Permitted Levels - MPLs). Hồng Kông (Trung Quốc) đề xuất một khoảng thời gian chuyển tiếp kéo dài 18 tháng sau khi ban hành luật để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực phẩm và phòng thí nghiệm thích ứng. Trong 18 tháng này, các sản phẩm có thể tuân thủ theo quy định cũ (Cap. 132U) hoặc quy định mới sửa đổi đều được coi là hợp pháp. Dự thảo áp dụng đối với thực phẩm dùng cho người và được xác định là biện pháp về an toàn thực phẩm. Thời hạn góp ý trước ngày 04/12/2026.
15	G/SPS/N/EU/965	CNTY	Liên minh châu Âu	04/9/2026	Liên minh châu Âu dự thảo sửa đổi quy định vệ sinh về điều kiện bảo quản thịt tươi của động vật móng guốc chăn nuôi trước khi cấp đông.	Liên minh châu Âu (EU) dự thảo sửa đổi quy định vệ sinh về điều kiện bảo quản thịt tươi của động vật móng guốc chăn nuôi trước khi cấp đông. Dự thảo đề xuất sửa đổi Phụ lục III của Quy định (EC) số 853/2004 về việc cụ thể hóa các yêu cầu đối với thịt động vật móng guốc nuôi được dự định cấp đông, thay thế cho quy định chung chung là cấp đông "không chậm trễ" như hiện hành. Theo đó, dựa trên ý kiến khoa học của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), các quy định mới xác định cụ thể:

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						thịt phải được cấp đông trong vòng 6 ngày (nếu bảo quản ở tối đa 7 độ C) hoặc trong vòng 14 ngày (nếu bảo quản ở tối đa 3 độ C) ngay sau khi giết mổ. Doanh nghiệp cũng có thể áp dụng phương pháp khác nếu cung cấp được bằng chứng khoa học đáp ứng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về mức độ an toàn vi sinh của thịt trước khi cấp đông và sau khi rã đông. Các sửa đổi này không áp dụng đối với thịt từ động vật có vú móng guốc chẵn hoang dã được chăn nuôi (thú săn chăn nuôi móng guốc chẵn) do chưa có đủ dữ liệu khoa học từ EFSA. Đối với nhóm động vật này, quy định cấp đông "không chậm trễ" vẫn được duy trì. Quy định sửa đổi dự kiến sẽ được áp dụng sau 6 tháng kể từ ngày công bố chính thức. EU dự kiến thông qua và công bố dự thảo trong Quý IV/2026. Quy định sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày được công bố trên Công báo của EU và dự kiến được áp dụng sau 6 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý trước ngày 03/11/2026.
16	G/SPS/N/SAU/620	TTBVTV	Ả-rập Xê-út	03/9/2026	Ả-rập Xê-út dự thảo quy định về các yêu cầu đăng ký thuốc diệt dịch hại phục vụ sức khỏe cộng đồng loại thông thường và loại rủi ro thấp	Ả-rập Xê-út dự thảo quy định về các yêu cầu đăng ký thuốc diệt dịch hại phục vụ sức khỏe cộng đồng loại thông thường và loại rủi ro thấp Theo đó, dự thảo áp dụng đối với các sản phẩm sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu, các yêu cầu bao gồm việc doanh nghiệp phải có tài khoản trên hệ thống điện tử tập trung GHAD của cơ quan quản lý thực phẩm và dược phẩm Ả-rập Xê-út (Saudi Food and Drug Authority - SFDA); cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ hoặc giấy chứng nhận đăng ký tại ít nhất 02 nước thuộc EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ hoặc Canada trong trường hợp

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						sản phẩm chưa được đăng ký tại nước xuất xứ; giấy chứng nhận phân tích thành phần, độ pH theo chuẩn IU-PAC/CIPAC/FAO từ phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO 17025 hoặc GLP (Good Laboratory Practice); báo cáo nghiên cứu độ ổn định bảo quản tối thiểu 02 năm (bao gồm các thử nghiệm sau đây: thử nghiệm ở 0°C trong vòng 1 tuần, thử nghiệm ở 54°C trong vòng 2 tuần và thử nghiệm ở nhiệt độ phòng trong vòng 24 tháng); Bảng dữ liệu an toàn (SDS); các nghiên cứu đánh giá hoạt chất và hiệu lực đối với sinh vật mục tiêu theo phương pháp quốc tế tại phòng thí nghiệm trung lập; hồ sơ gồm 6 bài kiểm tra độc tính cấp tính (Six Package Toxicity); nhãn mác sản phẩm bằng tiếng Ả-rập hoặc song ngữ Ả-rập - Anh; giấy cam kết chất lượng được hợp pháp hóa đại sứ quán và cam kết lưu giữ 02 mẫu sản phẩm cho mỗi dung tích đóng gói để kiểm tra đối chứng. Giấy chứng nhận đăng ký cho phép nộp hồ sơ xin gia hạn hoặc cập nhật từ đầu năm thứ 4 của thời hạn hiệu lực. Đối với thuốc diệt dịch hại phục vụ sức khỏe cộng đồng loại rủi ro thấp, các yêu cầu đăng ký tương tự nhưng không yêu cầu các nghiên cứu đánh giá, thử nghiệm độc tính và các nghiên cứu về hiệu lực chi tiết như đối với loại thông thường. Tất cả hồ sơ, tài liệu phải được cung cấp bằng tiếng Ả-rập hoặc tiếng Anh và được dịch thuật khi cần thiết. Cơ quan SFDA có quyền yêu cầu bổ sung tài liệu khi cần thiết. Quy định dự kiến có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý trước ngày 02/11/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
17	G/SPS/N/CAN/1648	TTBVT	Ca-na-đa	02/9/2026	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi mức - giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất Fludioxonil trong một số loại nông sản (mã ICS: 65.020, 65.100, 67.040, 67.080).	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi mức - mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với hoạt chất Fludioxonil trong một số loại nông sản (mã ICS: 65.020, 65.100, 67.040, 67.080). Theo đó, Cơ quan Quản lý Thuốc bảo vệ thực vật thuộc Bộ Y tế Ca-na-đa đề xuất giảm mức MRL đối với cải Abyssinian cabbages, rau arugula, cải xoong vườn (garden cress), cải xoong cạn (upland cress), cải biển, hanover salad, maca, shepherd's purse từ 30 xuống 15 ppm; quả nam việt quất từ 3,0 xuống 0,04 ppm. Đồng thời, Ca-na-đa đề xuất tăng mức MRL đối với: cải làn từ 0,01 lên 15 ppm; rễ nhân sâm từ 0,75 lên 4,0 ppm; bông cải xanh, cải Brussels, súp lơ trắng và cải thảo Napa từ 0,01 lên 2,0 ppm. Dự thảo dựa trên Tiêu chuẩn Codex số 211 về Fludioxonil, tuy nhiên các mức MRL đề xuất không hoàn toàn phù hợp với Codex. Quy định dự kiến có hiệu lực ngay khi thông qua (khoảng 4–5 tháng kể từ ngày đăng dự thảo). Thời hạn góp ý trước ngày 10/11/2026.
18	G/SPS/N/CAN/1647	TTBVT	Ca-na-đa	02/9/2026	Ca-na-đa dự thảo quy định về mức giới hạn tối đa dư lượng đối với Cyprodinil trên một số loại nông sản (mã ICS: 65.020, 65.100, 67.040, 67.080).	Ca-na-đa dự thảo quy định về mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với Cyprodinil trên một số loại nông sản (mã ICS: 65.020, 65.100, 67.040, 67.080) Theo đó, Cơ quan Quản lý Thuốc bảo vệ thực vật thuộc Bộ Y tế Ca-na-đa đề xuất các mức MRL đối với hoạt chất Cyprodinil trên một số loại nông sản, cụ thể như sau: Đối với rau arugula, cải xoong vườn và cải xoong cạn giảm từ 50 xuống 30 ppm; quả nam việt quất giảm từ 6,0 xuống 0,4 ppm. Đồng thời, đề xuất tăng mức

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						MRL đối với lá củ cải đỏ, lá củ cải trắng, cải biển, Han-over salad, maca, shepherd's purse, turnip greens từ 10 lên 30 ppm; cải làn từ 1,0 lên 30 ppm. Dự thảo được xây dựng trên cơ sở tham chiếu Tiêu chuẩn Codex số 207 về Cyprodinil, tuy nhiên Ca-na-đa cho biết các mức MRL đề xuất không hoàn toàn phù hợp với các mức tương ứng của Codex. Dự kiến quy định được thông qua và công bố trong vòng 4–5 tháng kể từ ngày đăng dự thảo; biện pháp sẽ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua. Thời hạn góp ý trước ngày 10/11/2026.
19	G/SPS/N/PRY/38	TTBVTV, ATTP	Cộng hòa Pa-ra- goay	01/9/2026	Cộng hòa Pa-ra-goay dự thảo quy định về việc áp dụng giấy chứng nhận sản phẩm đã qua chế biến (Certificado de Producto Procesado - CPP) dạng kỹ thuật số đối với sản phẩm thực vật.	Dự thảo quy định về việc cấp và áp dụng giấy chứng nhận sản phẩm thực vật đã qua chế biến (Certificado de Producto Procesado - CPP) dạng kỹ thuật số. Theo đó, dự thảo phê duyệt mẫu định dạng, đồng thời quy định các thủ tục và hướng dẫn áp dụng cho việc cấp, xác thực và sử dụng chứng nhận trong giao thương quốc tế đối với các sản phẩm thực vật đã qua chế biến thuộc nhóm nguy cơ kiểm dịch thực vật số 1. Bên cạnh đó, Chứng nhận CPP kỹ thuật số sẽ có giá trị kỹ thuật, pháp lý và hành chính tương đương với chứng nhận bản giấy truyền thống. Tính xác thực của chứng nhận có thể được kiểm tra thông qua mã QR (Quick Response Code), mã xác thực, chữ ký điện tử hoặc các cơ chế chính thức khác do Cơ quan Kiểm dịch và Chất lượng Thực vật và Hạt giống Quốc gia Pa-ra-goay (Servicio Nacional de Calidad y Sanidad Vegetal y de Semillas - SENAVE) triển khai. Các đơn vị chức năng thuộc SENAVE cũng được giao trách nhiệm ban hành quy trình vận hành cụ thể cho việc cấp, truyền tải,

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						xác thực, hủy bỏ và cấp lại chứng nhận. Dự thảo có hiệu lực ngay khi ban hành. Lưu ý rằng chứng nhận sẽ được cấp chủ yếu dưới dạng điện tử, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt yêu cầu vận hành hoặc theo yêu cầu cụ thể của nước nhập khẩu. Thời hạn góp ý trước ngày 31/10/2026.
20	G/SPS/N/TPKM/659	TTBVT	Đài Loan (Trung Quốc)	01/9/2026	Đài Loan (Trung Quốc) dự thảo sửa đổi Quy định về yêu cầu kiểm dịch đối với thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu.	Đài Loan (Trung Quốc) dự thảo sửa đổi Quy định về yêu cầu kiểm dịch đối với thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu, một số nội dung chính như sau: Bổ sung một số loài thực vật là ký chủ và các quốc gia/khu vực bị ảnh hưởng bởi các loài sinh vật gây hại thuộc diện kiểm dịch, dựa trên các tài liệu khoa học mới. Trong đó, Trung Quốc đại lục và New Caledonia được bổ sung vào danh sách khu vực bị ảnh hưởng bởi tuyến trùng <i>Radopholus similis</i>; Việt Nam được bổ sung vào danh sách khu vực bị nhiễm một số sinh vật gây hại như: <i>Frankliniella occidentalis</i>, <i>Pseudomonas syringae</i> pv. <i>syringae</i> và <i>Potato spindle tuber viroid</i>. Điều chỉnh cách phân loại, sắp xếp tên quốc gia trong các danh sách liên quan đến dịch hại kiểm dịch; cập nhật tên Swaziland thành Eswatini và điều chỉnh phân loại một số quốc gia theo phân vùng của Bộ Ngoại giao Đài Loan: Cyprus và Ukraine sẽ được xếp lại vào khu vực Châu Âu, còn Azerbaijan và Belarus sẽ được xếp lại vào khu vực “Châu Á và Thái Bình Dương”. Sửa đổi phạm vi vật liệu thực vật thuộc diện kiểm soát đối với Tomato brown rugose fruit virus, theo đó các bộ phận của cây sống được chỉ định làm ký chủ được mở rộng thành “toàn bộ hoặc bất kỳ bộ phận nào của các cây sống”.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Loại bỏ 37 loài khỏi danh sách sinh vật gây hại thuộc diện kiểm dịch, gồm: 7 loài côn trùng, 1 loài nấm, 4 loài virus, 1 loài động vật thân mềm và 24 loài thực vật cỏ dại, nhằm phù hợp với các nguyên tắc SPS của WTO. Thời hạn góp ý trước ngày 31/10/2026.

2. Danh sách quy định có hiệu lực

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/EU/967	CNTY	Liên minh châu Âu	15/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định về việc gia hạn cấp phép đối với taurine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định về việc gia hạn cấp phép đối với taurine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật. Theo đó, Quy định (EU) 2026/1859 gia hạn cấp phép chế phẩm taurine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho động vật thuộc họ Chó (Canidae), họ Mèo (Felidae), họ Chồn (Mustelidae), cá vây tia ăn thịt và các loài thủy sinh ăn thịt khác. Taurine thuộc nhóm phụ gia dinh dưỡng, nhóm chức năng vitamin, tiền vitamin và các chất có cấu trúc hóa học xác định có tác dụng tương tự. Chế phẩm được cấp phép chứa tối thiểu 97% taurine. Quy định mức hàm lượng tối đa trong thức ăn hoàn chỉnh có độ ẩm 12% là 2.000 mg/kg đối với động vật họ Chó và họ Chồn; 25.000 mg/kg đối với cá vây tia ăn thịt và các loài thủy sinh ăn thịt khác, trừ động vật có vú. Đối với động vật họ Mèo, taurine cũng được phép sử dụng qua nước uống. Ngoài ra, người thao tác trực tiếp với phụ gia và premix bắt buộc phải sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp cá nhân. Quy định đồng thời bãi bỏ Quy định thực thi (EU) 2015/722 và quy định các biện pháp chuyển tiếp đối với phụ gia, premix và thức ăn đã được sản xuất, ghi nhãn theo quy định trước đây. Cụ thể, được phép lưu hành đến khi hết tồn kho nếu sản xuất trước ngày 19/02/2027 đối với phụ gia/premix; và trước ngày 19/8/2027 hoặc 19/8/2028 đối với thức ăn tụy vào đối tượng vật nuôi.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định được thông qua ngày 29/7/2026, công bố ngày 30/7/2026 và có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.
2	G/SPS/N/EU/966	CNTY	Liên minh châu Âu	15/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định về việc cấp phép eugenol và trans-anethole làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gia cầm và chim cảnh.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định về việc cấp phép eugenol và trans-anethole làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gia cầm và chim cảnh. Theo đó, Quy định (EU) 2026/1811 cấp phép trong thời hạn 10 năm đối với eugenol được chiết xuất từ lá đinh hương khô hoặc dầu lá đinh hương để sử dụng cho gia cầm và chim cảnh, trans-anethole được sản xuất bằng phương pháp tổng hợp hóa học để sử dụng cho gia cầm và trans-anethole được chiết xuất từ lá hoặc quả hồi (<i>Illicium verum</i>) để sử dụng cho gia cầm và chim cảnh. Đồng thời, EU gia hạn việc sử dụng trans-anethole được sản xuất bằng phương pháp tổng hợp hóa học đối với chim cảnh và sửa đổi điều kiện cấp phép đối với trans-anethole có nguồn gốc từ dầu thông. Các chất trên thuộc nhóm phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Đối với eugenol và các dạng trans-anethole được cấp phép theo Quy định này, hàm lượng tối đa được quy định ở mức 25 mg hoạt chất/kg thức ăn hoàn chỉnh có độ ẩm 12%. Các phụ gia và hỗn hợp trộn sẵn được sản xuất và ghi nhãn trước ngày 16/02/2027 theo quy định cũ vẫn được phép lưu hành đến khi hết tồn kho. Thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu chứa các phụ gia này được phép tiếp tục lưu hành đến khi hết tồn kho nếu được sản xuất và ghi nhãn trước ngày 16/8/2027 (đối với động vật cung cấp thực phẩm) hoặc trước ngày 16/8/2028 (đối với động

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						vật không cung cấp thực phẩm). Quy định được thông qua ngày 24/7/2026, công bố ngày 27/7/2026 và có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu.
3	G/SPS/N/BRA/2489/Add.1	BYT	Bra-xin	14/9/2026	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 465 về việc bổ sung chuyên luận của hoạt chất S26 - SYZYGIUM AROMATICUM đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 465 về việc bổ sung chuyên luận của hoạt chất S26 - SYZYGIUM AROMATICUM đối với danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Dự thảo trước đó đã được thông báo tại số G/SPS/N/BRA/2489 ngày 12/5/2026. Quy định có hiệu lực kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý trước ngày 13/11/2026.
4	G/SPS/N/BRA/2385/Add.1	ATTP	Bra-xin	14/9/2026	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 463 ngày 05/8/2026 về việc sửa đổi mức giới hạn tối đa cho phép đối với độc tố vi nấm trong thực phẩm.	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 463 ngày 05/8/2026 về việc sửa đổi mức giới hạn tối đa cho phép đối với độc tố vi nấm trong thực phẩm. Cụ thể, Bra-xin sửa đổi Hướng dẫn quy phạm số 160 ngày 01/7/2022 về mức giới hạn tối đa dư lượng (Limites máximos tolerados - LMT) của các chất ô nhiễm trong thực phẩm. Bản dự thảo trước đó mang số 1.311 ngày 25/02/2025 đã được thông báo tại số G/SPS/N/BRA/2385 ngày 07/3/2026. Cụ thể, quy định sửa đổi danh mục mức giới hạn tối đa đối với độc tố vi nấm (mycotoxins), gồm: Aflatoxin M1 trong sữa dạng lỏng ở mức 0,5 µg/L; tổng Aflatoxin B1 + B2 + G1 + G2 ở mức 15 µg/kg đối với lạc; 15 µg/kg

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						đối với hạt ngô nguyên hạt, vỡ, nghiền hoặc xay để tiếp tục chế biến, trừ ngô dùng để nghiền ướt; 20 µg/kg đối với ngô dùng để nghiền ướt; và 10 µg/kg đối với bột ngô, semolina và ngô dạng mảnh. Quy định đồng thời sửa đổi cách phân nhóm đối với lạc và ngô; trong đó các sản phẩm từ lạc được gộp chung vào nhóm “Lạc”, còn nhóm ngô được phân loại cụ thể theo mục đích chế biến. Quy định có hiệu lực kể từ ngày công bố và dành 180 ngày kể từ ngày có hiệu lực để các đối tượng liên quan thích ứng các yêu cầu mới. Thời hạn góp ý trước ngày 13/11/2026.
5	G/SPS/N/BDI/132/Add.1 ²	TTBVTV	Cộng đồng Đông Phi	14/9/2026	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn DEAS 1265:2025 về yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống đậu Hà Lan.	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn DEAS 1265:2025 về yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống đậu Hà Lan. Dự thảo DEAS 1265:2025 đã được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/BDI/132, G/SPS/N/KEN/335, G/SPS/N/RWA/125, G/SPS/N/TZA/453 và G/SPS/N/UGA/442, đã được thông qua và công bố tại Công báo EAC số EAC/177/2026 ngày 30/6/2026. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu chứng nhận đối với việc sản xuất hạt giống đậu Hà Lan (<i>Pisum sativum</i>) ở các cấp độ: giống siêu nguyên chủng (pre-basic), nguyên chủng (basic), cấp xác nhận (certified) và hạt giống tiêu chuẩn (standard seed). Cụ thể, tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu đối với: các giống đủ điều kiện; tiêu chuẩn đồng ruộng và công tác kiểm tra đồng ruộng; lấy mẫu hạt giống và các yêu cầu phòng thí nghiệm; các loại giấy chứng nhận, đóng gói và ghi nhãn; thử nghiệm hậu kiểm (post-control tests).

² G/SPS/N/BDI/132/Add.1, G/SPS/N/KEN/335/Add.1, G/SPS/N/RWA/125/Add.1, G/SPS/N/TZA/453/Add.1, G/SPS/N/UGA/442/Add.1

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
6	G/SPS/N/BDI/131/Add.1 ³	TTBVT	Cộng đồng Đông Phi	14/9/2026	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn DEAS 1264-1:2025 về yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống rau thuộc họ bầu bí.	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn DEAS 1264-1:2025 về yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống rau thuộc họ bầu bí. Dự thảo DEAS 1264-1:2025 đã được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/BDI/131, G/SPS/N/KEN/334, G/SPS/N/RWA/124, G/SPS/N/TZA/452 và G/SPS/N/UGA/441, đã được thông qua và công bố tại Công báo EAC số EAC/177/2026 ngày 30/6/2026. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống các loại cây rau họ bầu bí ở các cấp độ: giống siêu nguyên chủng (pre-basic), nguyên chủng (basic) và cấp xác nhận (certified). Cụ thể, tiêu chuẩn bao gồm các quy định đối với: các giống đủ điều kiện; tiêu chuẩn đồng ruộng và kiểm tra đồng ruộng; lấy mẫu hạt giống và tiêu chuẩn phòng thí nghiệm; các loại giấy chứng nhận, đóng gói và ghi nhãn; thử nghiệm hậu kiểm (post-control tests).
7	G/SPS/N/BDI/130/Add.1 ⁴	TTBVT	Cộng đồng Đông Phi	14/9/2026	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn DEAS 1263:2025 về yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống khoai lang.	Cộng đồng Đông Phi ban hành Tiêu chuẩn DEAS 1263:2025 về yêu cầu chứng nhận đối với hạt giống khoai lang. Dự thảo DEAS 1263:2025 đã được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/BDI/130, G/SPS/N/KEN/333, G/SPS/N/RWA/123, G/SPS/N/TZA/450 và G/SPS/N/UGA/440, đã được thông qua và công bố tại Công báo EAC số EAC/177/2026 ngày 30/6/2026.

³ G/SPS/N/BDI/131/Add.1, G/SPS/N/KEN/334/Add.1, G/SPS/N/RWA/124/Add.1, G/SPS/N/TZA/452/Add.1, G/SPS/N/UGA/441/Add.1

⁴ G/SPS/N/BDI/130/Add.1, G/SPS/N/KEN/333/Add.1, G/SPS/N/RWA/123/Add.1, G/SPS/N/TZA/450/Add.1, G/SPS/N/UGA/440/Add.1

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu chứng nhận đối với giống khoai lang (<i>Ipomoea batatas</i> (L) Lam) ở các cấp độ: giống siêu nguyên chủng (pre-basic), nguyên chủng (basic) và cấp xác nhận (certified). Cụ thể, tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu về: các giống đủ điều kiện và thủ tục đăng ký chứng nhận; yêu cầu về đồng ruộng và công tác kiểm tra đồng ruộng; kiểm tra bảo quản; kích cỡ, phân loại, đóng gói và ghi nhãn.
8	G/SPS/N/CHE/85/Add.1/Corr.1	ATTP	Thụy Sĩ	09/9/2006	Thụy Sĩ thông báo đính chính đối với quy định về phụ gia thực phẩm.	Thụy Sĩ thông báo đính chính đối với thông báo số G/SPS/N/CHE/85/Add.1 ngày 03/7/2006 liên quan đến quy định về phụ gia thực phẩm. Theo đó, Thụy Sĩ làm rõ rằng đoạn văn bản đề cập đến titanium dioxide trong thông báo G/SPS/N/CHE/85/Add.1 bị đưa vào do sơ suất sao chép nhầm từ thông báo gốc G/SPS/N/CHE/85 và cần được loại bỏ. Dự thảo sửa đổi hoàn toàn không đưa bất kỳ thay đổi nào liên quan đến titanium dioxide. Nội dung sửa đổi của dự thảo chỉ tập trung vào việc cập nhật các quy định về phụ gia được phép sử dụng trong các nhóm thực phẩm, đồng thời sửa đổi quy định và điều kiện sử dụng đối với các chất mang trong phụ gia, enzyme, hương liệu, vitamin và khoáng chất.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
9	G/SPS/N/GEO/36	CNTY	Gru-di-a	03/9/2026	Gru-di-a ban hành Quy định sửa đổi về danh sách các quốc gia/cơ sở được cấp phép nhập khẩu các sản phẩm thuộc diện kiểm soát thú y.	Gru-di-a ban hành Quy định sửa đổi về danh sách các quốc gia/cơ sở được cấp phép nhập khẩu các sản phẩm thuộc diện kiểm soát thú y. Quy định số 397 ngày 18/8/2026 sửa đổi Quy định số 426 năm 2010 về quy tắc, điều kiện cấp giấy phép và mẫu giấy phép của Cơ quan Doanh thu và Cơ quan An toàn thực phẩm quốc gia Gru-di-a. Theo đó, đến ngày 01/9/2032, Cơ quan An toàn thực phẩm quốc gia Gru-di-a có thể đưa vào danh sách các quốc gia/cơ sở xuất khẩu đã có quan hệ thương mại với Gru-di-a về nhập khẩu sản phẩm cụ thể thuộc diện kiểm soát thú y trong giai đoạn từ 01/9/2024 đến 01/9/2026, trên cơ sở các bảo đảm về an toàn dịch tễ. Quy định này không áp dụng đối với các quốc gia/cơ sở đã được Cơ quan An toàn thực phẩm quốc gia Gru-di-a cấp phép theo quy định hiện hành. Biện pháp áp dụng đối với các nhóm sản phẩm gồm động vật sống; thịt và phụ phẩm ăn được; cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm và các động vật thủy sinh không xương sống khác; sữa và sản phẩm từ sữa; trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; các sản phẩm có nguồn gốc động vật khác; cùng chất béo, dầu có nguồn gốc động vật, thực vật hoặc vi sinh vật và sáp động vật hoặc thực vật. Quy định có hiệu lực kể từ ngày 18/8/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
10	G/SPS/N/EU/933/Add.1	ATTP	Liên minh châu Âu	03/9/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng đối với tổng hàm lượng furan, 2-methylfuran và 3-methylfuran trong thực phẩm chế biến từ ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ và thực phẩm dành cho trẻ em	Liên minh châu Âu ban hành Quy định sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với tổng hàm lượng furan, 2-methylfuran và 3-methylfuran trong thực phẩm chế biến từ ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ và thực phẩm dành cho trẻ em. Quy định (EU) 2026/1890 ngày 29/7/2026 sửa đổi Quy định (EU) 2023/915 về mức MRL đối với một số chất gây ô nhiễm trong thực phẩm. Theo quy định mới, mức MRL đối với tổng hàm lượng các chất trên, được biểu thị dưới dạng furan, là 40 µg/kg đối với thực phẩm chế biến từ ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ; 30 µg/kg đối với thực phẩm dành cho trẻ em có thành phần từ sữa và trái cây, khi sản phẩm chứa ít nhất 80% sữa, trái cây hoặc hỗn hợp sữa và trái cây; và 80 µg/kg đối với các loại thực phẩm khác dành cho trẻ em. Tổng hàm lượng được tính theo công thức: $\text{furan} + 0,83 \times 2\text{-methylfuran} + 0,83 \times 3\text{-methylfuran}$. Quy định đồng thời bổ sung thời gian chuyển tiếp đối với các sản phẩm đã được đưa hợp pháp ra thị trường trước ngày áp dụng quy định mới, cho phép các sản phẩm này tiếp tục được lưu hành đến hết thời hạn sử dụng hoặc hạn sử dụng tối thiểu. Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau ngày được công bố trên Công báo của Liên minh châu Âu và áp dụng từ ngày 01/01/2028.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
11	G/SPS/N/JPN/1414/Add.1	ATTP	Nhật Bản	01/9/2026	Nhật Bản ban hành sửa đổi Tiêu chuẩn và quy cách đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và các sản phẩm liên quan theo Luật Vệ sinh thực phẩm.	Dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn và quy cách đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và các sản phẩm liên quan theo Luật Vệ sinh thực phẩm thông báo trước đây tại số G/SPS/N/JPN/1414 ngày 29/5/2026 đã được Nhật Bản ban hành và có hiệu lực từ ngày 28/8/2026. Nội dung sửa đổi tập trung vào tiêu chuẩn đối với các dung dịch sử dụng để kiểm tra hoạt tính của Fructosyl Transferase và Glutaminase, đồng thời sửa đổi các tiêu chuẩn áp dụng đối với hai phụ gia này, cụ thể: Nhật Bản quy định tiêu chuẩn đối với dung dịch tiền xử lý xác định L-glutamic acid và sửa đổi thành phần của dung dịch xác định L-glutamic acid. Đối với phép thử hoạt tính của Fructosyl Transferase, sửa đổi lượng dung dịch sử dụng và thời gian để hỗn hợp ở nhiệt độ phòng. Đối với phép thử hoạt tính của Glutaminase, sửa đổi dung dịch sử dụng, thể tích mẫu, thời gian phản ứng và bước sóng đo độ hấp thụ từ 600 nm xuống 555 nm.
12	G/SPS/N/KEN/365/Add.1	CLCB, TTBVTV	Cộng hòa Kê-ni-a	01/9/2026	Cộng hòa Kê-ni-a thông báo việc thông qua Tiêu chuẩn KS 2744:2026 về quy định kỹ thuật đối với chè orthodox.	Cộng hòa Kê-ni-a thông báo việc thông qua Tiêu chuẩn KS 2744:2026 về quy định kỹ thuật đối với chè orthodox. Theo đó, dự thảo Tiêu chuẩn KS 2744:2025 đã thông báo trước đó tại số G/SPS/N/KEN/365 ngày 02/4/2026 đã được cộng hòa Kê-ni-a thông qua và công bố là Tiêu chuẩn KS 2744:2026 vào ngày 07/8/2026 trên Công báo Kê-ni-a số 12185.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
13	G/SPS/N/KEN/352/Add.1	TSKN, CLCB	Cộng hòa Kê-ni- a	01/9/2026	Cộng hòa Kê-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn KS 1564:2026 về xử lý, chế biến, bảo quản và phân phối động vật thân mềm có vỏ.	Cộng hòa Kê-ni-a thông báo về việc thông qua Tiêu chuẩn KS 1564:2026 về xử lý, chế biến, bảo quản và phân phối động vật thân mềm có vỏ. Theo đó, dự thảo Tiêu chuẩn DKS 1564:2025 đã thông báo trước đó tại số G/SPS/N/KEN/352 ngày 18/11/2025 đã được cộng hòa Kê-ni-a thông qua và công bố là Tiêu chuẩn KS 1564:2026 (ấn bản thứ hai) vào ngày 07/8/2026 trên Công báo Kê-ni-a số 12185.

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CCPT: Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Bộ Công Thương.